

Số: /BC-UBND

Ia H'Drai, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung quy định mức đạt chuẩn một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí nông thôn mới;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 10/10/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Ia Toi đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Toi, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm đối với xã Ia Toi, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 14/10/2024 đến ngày 22/10/2024):

1. Về hồ sơ: Thành phần hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã gửi đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 kèm theo Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể gồm:

(1) Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã Ia Toi về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Ia Toi đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

(2) Biên bản cuộc họp ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi đề nghị xét, công nhận xã Ia Toi đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 (*bản chính*).

(3) Báo cáo số 512/BC-UBND, ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2024 của xã Ia Toi (*bản chính*).

(4) Báo cáo số 562/BC-UBND, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2024 của xã Ia Toi (*bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới*).

(5) Báo cáo số 547/BC-UBND, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Toi (*bản chính*).

(6) Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã Ia Toi.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Ủy ban nhân dân xã đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025⁽¹⁾; Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã⁽²⁾; Ban phát triển thôn trên tất cả các thôn trên địa bàn⁽³⁾ và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo⁽⁴⁾ để triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025⁽⁵⁾; hàng năm Ủy ban nhân dân xã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình⁽⁶⁾.

Nhìn chung công tác chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới được triển khai đảm bảo đúng các quy định, đạt được một số kết quả trong truyền thông, đào tạo, tập huấn, phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân và huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

3. Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch

⁽¹⁾ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi

⁽²⁾ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND xã Ia Toi;

⁽³⁾ Các Quyết định của UBND xã gồm: Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc kiện toàn Ban Phát triển Thôn 1; Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc kiện toàn Ban Phát triển Thôn 7; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc kiện toàn Ban Phát triển Thôn 8; Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc kiện toàn Ban Phát triển Thôn 9; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc kiện toàn Ban Phát triển Thôn

⁽⁴⁾ Thông báo số 97/TB-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Thông báo số 01/TB-UBND ngày 09/4/2024 của UBND xã Ia Toi phân công thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xã Ia Toi phụ trách và triển khai thực hiện Bộ tiêu chí về thôn, xã nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn xã Ia Toi

⁽⁵⁾ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 16/04/2024 của Ủy ban nhân dân xã Ia Toi;

⁽⁶⁾ Các Kế hoạch triển khai Chương trình hàng năm của UBND xã gồm: Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 19/4/2021 triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 07/2/2024 triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 03/8/2023 triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 16/4/2024 triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã⁽⁷⁾ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai phê duyệt theo Quyết định 353/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 và được điều chỉnh tại Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của xã Ia Toi đảm bảo tuân thủ quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD. Việc công bố quy hoạch chung xây dựng xã được thực hiện theo quy định⁽⁸⁾.

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành quy chế quản lý quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum kèm theo Quyết định số 1442/QĐ –UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

c) Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 1 về quy hoạch

3.2. Tiêu chí số 2 về giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%;

- Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 80\%$;

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 100% (60% được cứng hóa);

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm $\geq 60\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

⁽⁷⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

⁽⁸⁾ Điều 30 Luật Xây dựng năm 2014; Mục 3 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn

Ủy ban nhân dân đã ưu tiên bố trí các nguồn vốn (*nguồn sử dụng đất, lồng ghép các chương trình Mục tiêu quốc gia, nguồn huy động khác*) đầu tư hạ tầng giao thông được hoàn thiện, bê tông hóa các tuyến đường trục thôn, đường trục chính nội đồng còn lại, bổ sung hệ thống biển báo đường bộ, trồng cây xanh, cắm mốc lộ giới theo quy định. Huy động các nguồn lực tại địa phương để tiếp tục đầu tư, nâng cấp và duy tu bảo dưỡng các tuyến đường hiện có. Đến nay, kết quả đạt được như sau:

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm đạt 100% (7,5km/7,5km).

- Tỷ lệ thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm đạt tỷ lệ 100% (104,4km/104,4km).

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội là 100% (63,8km/63,8km); trong đó đã cứng hóa đạt tỷ lệ 100% (63,8km/63,8km).

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận lợi quanh năm đạt tỷ lệ 95% (97,56km/102,56km).

c) Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 2 về giao thông

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên;

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 94,67% (213 ha/225 ha); Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động 98,95% (11.839,14ha/11.964,74ha); Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp thoát nước chủ động 100% (4ha/4ha).

- Địa bàn xã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, cụ thể: Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã được Ủy ban nhân dân xã thành lập tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 và thường xuyên được kiện toàn, thời điểm được kiện toàn gần đây nhất là ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Quyết định số 59/QĐ-UBND. Tại định số 59/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã giao Ban Chỉ huy Quân sự xã là cơ quan thường trực về công tác tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; giao công chức địa chính – nông nghiệp – xã dựng và môi trường thường trực công tác phòng, chống thiên tai; giao công an xã là cơ quan thường trực về tìm kiếm cứu nạn, cứu sập và cháy nổ. Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-BCH ngày 15 tháng 8 năm 2024 trong đó phân công nhiệm vụ của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai -

Tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã; Có 100% số cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức năm 2021. Đội xung kích phòng, chống thiên tai xã được thành lập tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 và được kiện toàn tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2024. Năm 2021, 100% lực lượng xung kích được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ do huyện tổ chức, ngoài ra trong năm 2024, lực lượng xung kích được tham gia diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự cấp huyện tổ chức trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã thường xuyên tổ chức phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ bị thiên tai. Tính đến nay, hơn 70% người dân trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai. Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 được Ủy ban nhân dân xã ban hành tại Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 và được cập nhật thực hiện trong năm 2024 tại Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024. Vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai trên địa bàn xã được Ủy ban nhân dân tỉnh xác định tại Bản đồ nguy cơ sạt ở đất và lũ quét huyện Ia H'Drai tại Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Ủy ban nhân dân huyện xác định tại Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2024⁽⁹⁾. Phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 số 01/PA-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương, trong đó Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng phương án sẵn sàng huy động các loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo Phương án, kế hoạch được duyệt. Ủy ban nhân dân xã phân công lực lượng phụ trách địa bàn thôn, hỗ trợ người dân, hợp tác xã, nhà văn hóa thôn tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai các vật tư phòng chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt. Ủy ban nhân dân xã thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; di dời dân cư mới hoặc chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên, tính đến nay có 100% số cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai. Hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% số hộ gia đình được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ, 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo. Tính đến nay, trên địa bàn xã chưa phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

4. Tiêu chí số 4 về Điện

⁽⁹⁾ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND huyện Ia H'Drai về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn;
- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 95\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn xã hiện nay đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn; Đường dây trung áp, trạm biến áp phân phối, đường dây hạ áp, dây dẫn về hộ gia đình và công tơ điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện;

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn theo quy định là 1260hộ/1260 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 4 về Điện

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a. *Yêu cầu tiêu chí*: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định (*Xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1*).

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí*

Trên địa bàn xã có 03 trường học, gồm: Trường Mầm non Hoa Mai, Trung TH-THCS Nguyễn Tất Thành, Phân hiệu Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh⁽¹⁰⁾. Tại các thôn đều có điểm trường của bậc học sinh mầm non, tiểu học. Phối hợp BQL Dự án ĐTXD huyện đã đầu tư các hạng mục cho Trường mầm non Hoa Mai học 4 phòng, mái che, sân bê tông và tu bổ, sửa chữa lại điểm trường tại thôn Ia Dor. Tại điểm trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành BQL dự án ĐTXD huyện đã đầu tư xây dựng mới 01 dãy phòng học với 12 phòng học và sân bê tông trước phòng học. Đến nay các cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trường cơ bản đảm bảo, qua đánh giá đối với trường mầm non, trường TH-THCS đến nay đã đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định, đảm bảo công tác việc học và dạy.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 5 về Trường học

6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã;

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (*Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em*);

⁽¹⁰⁾ Phân hiệu Trường Phổ thông dân tộc nội trú 7 lớp/ 216 học sinh; Trường TH – THCS Nguyễn Tất Thành 30 lớp/ 809 học sinh; Trường Mầm non Hoa Mai 9 lớp/ 365 học sinh.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã có hội trường nhà văn hóa nằm tại thôn 1 có diện tích xây dựng 250m², đảm bảo trên 200 người ngồi đảm bảo cho công tác sinh hoạt, hội họp, đảm bảo đủ diện tích và kết cấu theo quy định. 5/5 thôn có nhà văn hóa trong đó: thôn 7, 8, 9 có nhà văn hóa và sân thể dục thể thao đảm bảo đủ diện tích đạt 100 chỗ ngồi. Khuôn viên nhà văn hóa có sân bóng chuyên. Còn lại 2/5 thôn là mượn điểm trường tại thôn là nơi sinh hoạt văn hóa⁽¹¹⁾ đảm bảo diện tích trên 100m², hơn 50 chỗ ngồi cho người dân hội họp và có khuôn viên, sân thể thao để người dân sinh hoạt văn hóa thể dục thể thao. Xã có điểm tập luyện thể thao đơn giản cụ thể: sân bóng đá 2.000m² tại thôn 1, 7, 9 và sân bóng chuyên có tổng 14 sân /5 thôn. Đảm bảo phục vụ nhu cầu thể dục thể thao cho người dân, công nhân viên chức trên địa bàn..

- Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại nhà văn hóa xã và các nhà văn hóa thôn, trường mầm non, trường TH – THCS đều có các điểm vui chơi dành cho trẻ em và người cao tuổi. Các điểm vui chơi này đảm bảo 30% quỹ thời gian trong năm. Xã sử dụng điểm vui chơi của trường mầm non Hoa Mai làm điểm vui chơi cho trẻ em, sử dụng nhà văn hóa thôn làm điểm sinh hoạt, giải trí cho người cao tuổi.

Địa bàn xã có 5/5 thôn có nhà văn hóa, hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, cụ thể: Tại Thôn 1 sử dụng: Điểm trường MN Hoa Mai diện tích 7x12= 84m² phục vụ đủ 50 chỗ ngồi, cơ sở vật chất đầy đủ; tại điểm trường có diện tích sân bảo đảm tổ chức các hoạt động văn hóa, có sân bóng chuyên (sân đất) để người dân sinh hoạt thể dục thể thao). Thôn 7 được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn năm 2023 với diện tích 93m² phục vụ đủ 50 chỗ ngồi, nhà văn hóa có diện tích sân bảo đảm tổ chức các hoạt động văn hóa. Trên địa bàn thôn có 01 sân bóng đá và 02 sân bóng chuyên. Đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho người dân sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao. Thôn 8 được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn năm 2023 với diện tích 93m² phục vụ đủ 50 chỗ ngồi, nhà văn hóa có diện tích sân bảo đảm tổ chức các hoạt động văn hóa. Trên địa bàn thôn có 01 sân bóng chuyên trong khuôn viên nhà Văn hóa thôn. Đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho người dân sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao. Thôn 9 sử dụng Nhà tổ công tác của xã tại thôn 9 trước kia là nhà văn hóa thôn, có sân bê tông rộng rãi, có sân bóng chuyên trong khuôn viên nhà văn hóa có diện tích 21 m x 9 m=189 m². Đảm bảo 60 chỗ ngồi. Trang thiết bị vật chất gồm: bàn, ghế, tượng Bác, hệ thống điện, quạt, và các trang thiết bị khác phục vụ tổ chức hội nghị, hội họp thôn. Sân thể thao phục vụ cộng đồng: tại địa bàn thôn 9 còn có 01 sân bóng đá với tổng diện tích 1.660m² phục vụ hoạt động thể thao của nhân dân thôn 9 giao cho Đoàn thanh niên thôn quản lý và sử dụng. Thôn Ia Dor sử dụng Trường MN Hoa Mai tạo điều kiện cho sử dụng điểm trường tại thôn làm điểm sinh hoạt cộng đồng có diện tích 21 m x 9 m=189

⁽¹¹⁾ Thôn 1 và thôn Ia Dor

m². Đảm bảo 60 chỗ ngồi. Trang thiết bị vật chất gồm: bàn, ghế, tượng Bác Hồ, hệ thống điện, quạt, và các trang thiết bị khác phục vụ tổ chức hội nghị, hội họp thôn. Tại thôn có 01 sân bóng chuyền (sân đất) phục vụ cộng đồng.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Địa bàn xã có 22/33 cửa hàng kinh doanh đảm bảo có bảng hiệu thể hiện tên cửa hàng, địa chỉ, số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý được phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ia H’Drai cấp giấy phép kinh doanh; Các cửa hàng kinh doanh đảm bảo thời gian mở cửa từ 6 giờ 00 phút đến 21 giờ hằng ngày phù hợp cho nhu cầu mua sắm của người dân; Có 22/33 cửa hàng kinh doanh có diện tích kinh doanh trên 50 m² và có nơi để xe quy mô phù hợp; Các cửa hàng đều được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, đa dạng hoá các mặt hàng kinh doanh, thuận tiện cho việc mua bán hàng hoá của người dân. Không kinh doanh các mặt hàng thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;
- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã có 1 điểm Bưu cục tại thôn 1, với diện tích 40m², hoạt động 02 buổi/ngày. Thời gian hoạt động, buổi sáng 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 phút, hoạt động từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần. Được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho việc cung ứng và phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Ngoài việc nhận chuyển các bưu kiện, bưu phẩm cho người dân điểm bưu điện văn hóa xã còn phục vụ Nhân dân trong vùng theo các loại hình kinh doanh, cụ thể: kinh doanh hoạt động hàng tiêu dùng, kinh doanh bán bảo hiểm xe máy, dịch vụ viễn thông và các sản phẩm viễn thông.

- Trên địa bàn xã hiện có 12 trạm phát sóng của các nhà mạng như Viettel, Vinaphone, Mobifone phủ sóng. Hệ thống cáp truyền tải được nâng cấp đạt chuẩn. Tỷ lệ hộ dân trong xã sử dụng điện thoại di động đạt 90%, các hộ dân đăng ký sử

dụng dịch vụ Internet ngày càng nhiều. Mật độ phủ sóng 4G trên địa bàn đạt 90%. Đảm bảo việc sử dụng các dịch vụ internet, cập nhật thông tin cho người dân trên toàn địa bàn.

- Hiện tại xã có 1 đài truyền thanh qua sóng 4G được thành lập năm 2019. Đài truyền thanh xã có 21 cụm hoạt động phủ sóng khắp 5 thôn, với tổng số 36 loa. Tỷ lệ hộ dân nghe được tiếng loa của đài đạt 98%. Đài xã được trang bị đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền tại địa phương. Đài xã có 01 công chức kiêm nhiệm Đài truyền thanh xã. Đài hoạt động các ngày trong tuần (kể cả thứ 7, chủ nhật). Tiếp âm đủ 3 cấp, với 02 buổi/ngày (sáng, tối) đúng theo quy định. Có cộng tác tin bài với Đài truyền thanh huyện và tiếp âm Chương trình phát thanh của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài truyền thanh huyện.

- Hiện 100% cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính phục vụ công tác và các máy tính đều kết nối Internet. Hiện tại xã đã triển khai và thực hiện ứng dụng phần mềm như phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Số tài khoản phần mềm quản lý văn bản và điều hành đã được cấp 19/19 CBCC, đạt 100%; 100% văn bản đến văn thư chuyển lãnh đạo được phê duyệt và xử lý trên phần mềm; có ứng dụng quy trình xử lý văn bản đi 96,7% trên phần mềm văn bản đi của UBND xã. Qua triển khai và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành đã đem lại những lợi ích: giảm tải việc phát hành văn bản bằng giấy, tạo điều kiện thuận lợi cho văn thư lưu trữ, tra cứu tài liệu của cơ quan. Nâng cao công tác quản lý, điều hành và giám sát công việc của lãnh đạo. Việc điều hành chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ từ lãnh đạo UBND xã đến cán bộ công chức được nhanh hơn, đáp ứng yêu cầu về thời gian và tiến độ công việc. Ngoài ra xã đã tổ chức triển khai và ứng dụng chữ ký số để ký số các văn bản điện tử đi của UBND xã khi gửi đến các cơ quan, ban ngành huyện. Có văn bản điện tử 96,7 % của xã.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu tiêu chí

- Không có nhà tạm, nhà dột nát;
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng $\geq 75\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Địa bàn xã không có nhà tạm, nhà dột nát;
- Hiện trên địa bàn xã có 1.075 hộ/1.260 hộ có nhà ở đạt theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng, đạt tỷ lệ 85,31%.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt ≥ 45 triệu đồng/người/năm.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Ủy ban nhân dân xã đã cử công chức chuyên môn khảo sát thu thập thông tin về thu nhập của 308 hộ mẫu/992 nhân khẩu mẫu ở 05 thôn. Lực lượng tham gia thực hiện khảo sát đã được hướng dẫn nghiệp vụ khảo sát, tiến hành thu thập thông tin về thu nhập của các hộ được chọn mẫu trên địa bàn xã quản lý, đảm bảo theo đúng hướng dẫn quy định tại Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT. Trong quá trình thực hiện khảo sát thu thập thông tin có sự giám sát, kiểm tra của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã và công chức của Chi cục Thống kê Khu vực/huyện Sa Thầy – Ia H’Drai. Các nội dung thực hiện gồm: (1) Khảo sát thu thập thông tin về thu nhập của các hộ mẫu thuộc địa bàn của các thôn trên địa bàn xã; (2) Tổng hợp, tính toán, suy rộng chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người của từng thôn và của xã và (3) Báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện khảo sát của xã. Ủy ban nhân dân xã đã đảm bảo đầy đủ các yêu cầu quy định từ bước 1 đến bước 4 quy định tại Phụ lục 2 trong Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 7/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kết quả tổng hợp thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn xã Ia Toi, huyện Ia H’Drai năm 2024 là 45,58 triệu đồng/người/năm.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 10 về Thu nhập

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 chiếm tỷ lệ $\leq 13\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả rà soát, tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) là 150 hộ (trong đó có 59 hộ nghèo; 91 hộ cận nghèo), chiếm tỷ lệ 11,7% (trong đó tỷ lệ hộ nghèo là 4,5; tỷ lệ hộ cận nghèo là 7,2%) so với tổng số hộ dân toàn xã.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

12. Tiêu chí 12 về Lao động có việc làm

a. Yêu cầu tiêu chí

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 70\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 20\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí.

- Tại thời điểm tháng 6 năm 2024 trên địa bàn xã Ia Toi: Tổng số lực lượng lao động: 2.665 người; Số lao động qua đào tạo: 2.204 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $2.204/2.665 \times 100 = 82,7\% > 70\%$

- Tại thời điểm tháng 6 năm 2024 trên địa bàn xã Ia Toi: Tổng số lực lượng lao động: 1.394 người; Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 2.665

người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: $1.394/2.665 * 100 = 50,3\% > 20\%$.

c. Tự đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí 12 về Lao động có việc làm

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a. Yêu cầu tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có Tổ hợp tác hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương;

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững;

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương;

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường;

- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện tại trên địa bàn xã có Hợp tác xã Sê San hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương (cá cơm khô Sê San).

- Địa bàn xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm mủ cao su, là một trong những sản phẩm chủ lực của địa bàn xã. Các doanh nghiệp trồng, chế biến mủ cao su trên địa bàn xã đã ký hợp đồng với Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

- Sản phẩm mủ cao su thiên nhiên sơ chế SVR10 của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Mom Ray đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015/ISO 9001:2015; TCVN ISO 14001:2015/ISO 14001:2015; TCVN 3769:2016 và có thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 Bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Ia Toi. Trong đó, các nội dung, nhiệm vụ đảm bảo với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện đã phê duyệt.

- Tổ khuyến nông cộng đồng xã được thành lập tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2023 của UBND huyện Ia H'Drai. Tổ khuyến nông cộng đồng xã đã chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, phối hợp tập huấn cho nông dân, tư vấn hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tư vấn khuyến nông, tư vấn liên kết sản xuất, kết nối thị trường, tư vấn quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tư vấn về chính sách, dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y và Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ (Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá)

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt $\geq 70\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đến nay, xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 143/143 đạt 100%; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 90/95 đạt 94,74%. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 126/126 đạt 100%; đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 2: Đối tượng 15 – 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS: 213/223 đạt 95,52%; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Hoàn thành chương trình lớp 5 (độ tuổi 15-60 biết chữ): 3082/3109 đạt 99,13%. Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại: Khá.

- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm qua: 49/49 (Nam: 20, Nữ: 29). Số học sinh tiếp tục học trung học: 49/49 (Nam: 20, Nữ: 29); Trong đó: Số học sinh học Trung học phổ thông: 49/49 (Nam: 20, Nữ: 29). Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (Phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): 49/49 đạt 100%.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 90\%$; Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 26,5\%$. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt 100%.

- Đến nay, xã đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi trên địa bàn xã chiếm 17,6%.

- Trạm y tế xã đã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 15 về Y tế

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a. Theo yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới đạt 70%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Các thôn đều đăng ký thôn văn hóa đầu năm 2024 đạt 100%. Tỷ lệ các thôn đạt chuẩn thôn văn hóa là 5/5 thôn, chiếm 100%. Về công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình: Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nên trên địa bàn xã không xảy ra bạo lực gia đình. Hiện tại xã đã xây dựng được 5 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng đảm bảo việc hỗ trợ tư vấn, nơi tạm lánh cho các nạn nhân bạo lực gia đình. Hằng năm, Văn hóa thông tin đều tổng hợp các chỉ số về thông tin gia đình và tình hình bạo lực gia đình trên địa bàn xã báo cáo về huyện. 05/05 thôn đã xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 16 về Văn hóa.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Theo yêu cầu tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 20\%$ (trong đó $\geq 5\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có)⁽¹²⁾;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản làng nghề đảm bảo quy định bảo vệ môi trường $\geq 90\%$;

- Xây dựng cảnh quan không gian xanh sạch đẹp an toàn;

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$; Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;

- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý theo quy định 100%;

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 60\%$;

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$;

⁽¹²⁾ Đối với xã có công trình cấp nước tập trung có công suất thiết kế $\geq 5,0\%$; trường hợp xã có công trình cấp nước tập trung nhưng công suất thiết kế $< 5,0\%$ hoặc không có công trình cấp nước tập trung thì không áp dụng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống công trình cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 30\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Kết quả rà soát tình hình sử dụng nước sinh hoạt năm 2024 trên địa bàn xã Ia Toi như sau: Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch 21,3%, trong đó tỷ lệ sử dụng từ công trình cấp nước tập trung 7,5%.

- Trên địa bàn xã có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thực hiện đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Cảnh quan không gian trên địa bàn xã đảm bảo xanh - sạch - đẹp, an toàn; không xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 về trồng rừng, trồng cây phân tán năm 2024 trên địa bàn xã Ia Toi. Triển khai Kế hoạch, Ủy ban nhân dân xã cấp cho các thôn và các đơn vị đóng chân trên địa bàn tiến hành trồng cây phân tán. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức kiểm tra thực tế số cây phân tán đã trồng năm 2024, theo đó toàn xã đã trồng được 9250 cây phân tán tỷ lệ sống 95%. Đến nay, diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã đạt 2,1m²/người.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của UBND xã Ia Toi về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum. Việc quản lý và sử dụng nghĩa trang mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và quy hoạch.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 80%.

- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 70,39%

- Hiện nay, trên địa bàn xã có 210 hộ chăn nuôi, có 209 hộ kê khai hoạt động chăn nuôi, trong đó có 148 hộ cam kết chăn nuôi an toàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở chăn nuôi và thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường, chiếm tỷ lệ 70,4%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn xã đạt 30%.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 30%.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm 18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Theo yêu cầu tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn;
- Đảng bộ chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định (Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và đảm bảo thi hành Hiến pháp và Pháp luật trên địa bàn, Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý);
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.
- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức xã có 19 người (cán bộ: 10 người, công chức: 09 người), qua kiểm tra danh sách, hồ sơ và đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- Năm 2024, Đảng bộ, Chính quyền xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai đã có bản cam kết với Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về kết quả đánh giá xếp loại chất lượng năm 2024 “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.
- Trong năm 2024, các tổ chức chính trị - xã hội của xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai đã có bản cam kết với các tổ chức chính trị - xã hội huyện về đánh giá, xếp loại năm 2024 “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.
- Xã Ia Toi được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 tại Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 08/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.
- Xã có 01 nữ là lãnh đạo chủ chốt cấp xã (Nghị quyết số 29/NQ-TTHĐND ngày 31/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai); có 13 phụ nữ tham gia hợp tác xã (HTX NN và DV Ia Toi: 03 phụ nữ; HTX Nông Lâm Nghiệp Ia Toi: 03 phụ nữ; HTX Nông Lâm Nghiệp Ia H'Drai: 01 phụ nữ; HTX NN Chăn nuôi Dê: 01 phụ nữ; HTX Dịch vụ NLN Hữu Tâm: 01 phụ nữ; HTX NN Hai Dũng: 4 phụ nữ), chiếm tỷ lệ 30,9% số người tham gia. Trong năm 2024, Trên địa bàn xã không có có trường hợp tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Hiện nay trên địa bàn xã có 05 địa chỉ đáng tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng. Ủy ban nhân dân xã Ia Toi bố trí Công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách công tác bảo vệ trẻ em. Xã có Ban bảo vệ trẻ em, 14 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo vệ. trong năm 2024, trên địa bàn xã không có trẻ em bị xâm hại.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 11/5/2024 về bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn trên địa bàn xã năm 2024. Triển khai Kế hoạch, Ủy ban nhân dân xã đã lồng ghép tổ chức Hội nghị tuyên truyền đến 1.150 lượt người về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; cử cán bộ tham gia tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023, tập huấn phát triển cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới năm 2024, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh

a. Theo yêu cầu tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng;

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả..

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Kết quả thực hiện tiêu chí 19.1: Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí Quốc phòng.

+ Ban CHQS cấp xã có đủ 05 chức danh đúng cơ cấu, thành phần⁽¹³⁾; xã biên chế đủ 02 đồng chí. Chỉ huy trưởng có trình độ Trung cấp quân sự cơ sở, 01 Phó Chỉ huy trưởng hiện có trình độ Cao đẳng quân sự, 01 Phó Chỉ huy trưởng hiện đang học Trung cấp quân sự cơ sở. Hiện nay 05 cán bộ Ban CHQS xã Ia Toi tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, quân sự, pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ theo đúng Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ban CHQS có trụ sở làm việc riêng cho xã, nơi ăn, nghỉ cho dân quân thường trực, có trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽¹³⁾ Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã là thành viên UBND xã, sỹ quan dự bị (hiện mang quân hàm trung úy); 02 đồng chí phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Chính trị viên Ban CHQS cấp xã hiện do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã đảm nhiệm; Chính trị viên phó hiện do đồng chí Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đảm nhiệm

+ Tổ chức xây dựng Chi bộ quân sự xã có cấp ủy và duy trì hoạt động có nề nếp, hiệu quả theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương; cơ cấu thành phần đảng viên của chi bộ gồm: Đảng viên trong Ban CHQS xã, đảng viên trong trung đội dân quân cơ động, đảng viên trong tiểu đội dân quân thường trực (Tổng số đảng viên 10 đồng chí). Xây dựng lực lượng dân quân xã đúng tổ chức, biên chế, có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77/2020/TT-BQP, ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và các văn bản, Hướng dẫn của cơ quan cấp trên các cấp (về Tổ chức biên chế đối với cấp xã: Ban CHQS cấp xã có 05 đồng chí; 01 trung đội DQCD 28 đồng chí; 01 tiểu đội DQTT 09 đồng chí; 01 tổ DQ Thông tin 03 đồng chí; 01 tổ DQ Phòng hóa 03 đồng chí; 01 tổ DQ Trinh sát 03 đồng chí; 01 tổ DQ Công binh 03 đồng chí; 01 tổ DQ Y tế 03 đồng chí; 01 khẩu đội Cối 60mm 03 đồng chí; mỗi thôn biên chế 01 tổ DQTC 03 đồng chí). Ban CHQS xã làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong dân quân lên tỷ lệ 18% (theo Kết luận số 41/KL-TW, ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); Tiểu đội trưởng, Tiểu đội trưởng DQTT; Trung đội trưởng DQCD là đảng viên (hiện nay đảng viên trong lực lượng DQ xã có 20 đồng chí đạt 26.66% so với DQ của xã). Đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, trang bị, vật liệu nổ quân dụng, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, thực hiện theo đúng Thông tư số 76/2020/TT-BQP, ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và Hướng dẫn số 3809/HD-BTM, ngày 19/8/2020 của Bộ Tham mưu về việc đảm bảo dự trữ vũ khí, đạn cho lực lượng DQTV ở trạng thái SSCĐ thường xuyên (tổ số vũ khí trong biên chế đủ 18 khẩu, đạn 360 viên); vũ khí trang bị được bảo quản tập trung tại tủ súng của đơn vị, có sổ sách ghi chép đầy đủ và thường xuyên bảo dưỡng; thực hiện có hiệu quả theo nội dung Cuộc vận động 50 về quản lý, sử dụng VKTB “Tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông”. Tổ chức lực lượng DQ xã tham gia làm nòng cốt trong đội xung kích, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai ở cấp xã. Thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQ xã; tổ chức xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm tổ chức giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, pháp luật đúng nội dung, thời gian; tham gia hội thi, hội thao quân sự đầy đủ nội dung, chương trình, thời gian quy định tại Thông tư và quy định của cấp trên các cấp; Sử dụng lực lượng DQ xã tham gia Diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp trên, bảo đảm an toàn; Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ theo quy định của Thông tư số 43/2020/TT-BQP, ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng và các quy định của cơ quan cấp trên các cấp; Tham gia có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa Công an, Quân sự theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ về kịp thời ngăn chặn các hành vi gây rối trật tự công cộng, các tệ nạn xã hội; Tổ chức các hoạt động phối hợp của dân quân xã với các lực lượng có liên quan theo Nghị định 02/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2019 của Chính phủ về Ban hành quy định việc phối hợp của DQTV với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

+ Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý QNDB và PTKT dự bị theo quy định của Luật DBĐV; sẵn sàng động viên khi có lệnh của cấp trên có thẩm quyền; 100% QNDB và PTKT dự bị được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu được giao. Hằng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng; Tuyên truyền vận động và triển khai tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn hàng năm của cơ quan cấp trên; phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến KTQP-AN cho toàn dân; tổ chức bồi dưỡng KTQP-AN cho đối tượng 4.

+ Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng phát triển kinh tế-xã hội với vào đảm về quốc phòng, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ.

+ Thực hiện tốt chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng DBĐV; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật; giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng địa phương.

+ Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc cho người dân; Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên.

- Kết quả thực hiện tiêu chí 19.2: Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

+ Đảng ủy xã Ia Toi đã ban hành Nghị quyết số 61-NĐ-ĐU, ngày 27-12/2023 về lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh, trật tự năm 2024; Ủy ban nhân dân xã Ia Toi đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND, ngày 19/01/2024 về đảm bảo an ninh, trật tự địa bàn xã Ia Toi năm 2024; Công an xã đã ban hành Kế hoạch số 01^A/KH-CAX ngày 01/01/2024 về phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trên địa bàn xã.

+ Từ đầu năm 2024 đến thời điểm thẩm tra, xã Ia Toi không xảy ra các hoạt động tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

+ Từ đầu năm 2024 đến thời điểm thẩm tra, xã Ia Toi không xảy ra các hoạt động khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật: Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền,

trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; Không để xảy ra các hoạt động như: Kích động, xúi dục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Từ đầu năm 2024 đến thời điểm thẩm tra, xã Ia Toi không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Từ đầu năm 2024 đến thời điểm thẩm tra, số vụ tội phạm về trật tự xã hội tại địa bàn xã Ia Toi giảm 25% so với năm 2023 (năm 2023: xảy ra 04 vụ, từ đầu năm 2024 đến thời điểm thẩm tra: xảy ra 03 vụ); tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước.

+ Xã Ia Toi đã thành lập các mô hình sau: Mô hình “Tổ an ninh nhân dân”; Mô hình “Tổ dân phòng”; Mô hình “Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy” gồm; Mô hình “Công an xã đồng hành cùng doanh nghiệp”. Các mô hình này được duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

+ Xã Ia Toi không thuộc địa bàn xã phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội theo Quyết định số 8793/QĐ-BCA ngày 26/12/2023 của Bộ Công an về ban hành Tiêu chí xác định địa bàn phức tạp về tội phạm xâm phạm trật tự xã hội.

+ Qua rà soát, đến thời điểm thẩm tra tập thể Công an xã Ia Toi đạt các tiêu chí xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

c. Đánh giá: Xã đạt chuẩn Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới: Qua rà soát, hiện nay UBND xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới.

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới: Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng quan điểm, mục tiêu, nội dung, giải pháp để nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới cơ bản đúng mục tiêu của Chương trình do các cấp thẩm quyền ban hành và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cụ thể:

5.1. Quan điểm

Tiếp tục phát huy, giữ vững những kết quả đạt được, bám sát quan điểm, mục tiêu của cấp trên đã đề ra được Chương trình xây dựng nông thôn mới sau năm 2023 với mục tiêu sát với tình hình thực tế; xác định tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể cần tập trung nâng cao chất lượng, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng khu vực theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở ngày càng chuyên nghiệp, đề tạo động

lực phát triển và quyết tâm phấn đấu hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra đến 2025.

5.2. Mục tiêu

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên cơ sở huy động và lồng ghép, tích hợp các nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã. Qua đó, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; phấn đấu thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu được huyện giao.

- Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, cấu trúc lại ngành nông nghiệp, tạo lập các cơ hội việc làm, mô hình sản xuất kinh doanh; tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, giữ vững quốc phòng, an ninh, góp phần đưa xã Ia Toi phát triển nhanh và bền vững.

5.3. Nội dung, giải pháp

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thật cụ thể, chi tiết, lựa chọn bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện cụ thể ở thôn để triển khai tổ chức thực hiện.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch, chú trọng quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, thúc đẩy các mô hình sản xuất.

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn; xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư (Dự án chăn nuôi công nghệ cao) vào địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, nhân lực để các nhà đầu tư triển khai dự án nhanh, thuận lợi nhất;

- Xây dựng và ban hành Nghị quyết của Đảng ủy về nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; có cơ chế, chính sách của xã hỗ trợ cho thực hiện chương trình;

- Thành viên Ban chỉ đạo cần bám sát kế hoạch công tác, nội dung được phân công theo dõi chỉ đạo các thôn, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiêu chí NTM. Thường xuyên chỉ đạo, nắm chắc tiến độ, kết quả triển khai trên địa bàn các thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Đảm bảo theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Toi đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới: UBND xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

III. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận xã Ia Toi đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Liên đoàn Lao động huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- Hội Cựu chiến binh huyện;
- Hội Liên hiệp phụ nữ huyện;
- Huyện Đoàn;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo các CT MTQG huyện;
- Các Thành viên VPĐP NTM huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT.
- Lưu: VT-LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Nhàn

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2024**

đối với xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày ... tháng.... năm 2024 của UBND huyện Ia H'Drai)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ⁽¹⁾ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Có quy hoạch chung xây dựng xã ⁽¹⁾ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định	Ban hành quy định quản lý	Có quy định quản lý quy	Đạt	Đạt

⁽¹⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

⁽¹⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	100%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (60% được cứng hóa)	100%	Đạt	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥60%	95%	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	80%	100%	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ				
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	100%	Đạt	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	- Xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.	Qua đánh giá đối với trường mầm non, trường TH-THCS đến nay đã đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định đảm bảo công tác việc học và dạy	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ⁽²⁾	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

⁽²⁾ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã có điểm phục vụ bưu chính	Trên địa bàn xã có 1 điểm Bưu cục tại thôn 1, với diện tích 40m ² . Được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho việc cung ứng và phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương Và 01 điểm Bưu điện văn hóa xã hoạt động 02 buổi/ngày	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Trên địa bàn xã hiện có 12 trạm phát sóng của các nhà mạng như Viettel, Vina phone, Mobifone phủ sóng	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đài truyền thanh xã có 21 cụm hoạt động phủ sóng khắp 5 thôn, với tổng số 36 loa. Tỷ lệ hộ dân nghe được tiếng loa	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
				của đài đạt 98%		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Nhà tạm, dột nát	Không có nhà tạm, dột nát	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 75\%$	85,31%	Đạt	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	≥ 45	45,588 triệu đồng/ người	Đạt	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$\leq 13\%$	11,73%	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	82,7%	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$	50,3%	Đạt	Đạt
	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có Tổ hợp tác hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
13		sản phẩm chủ lực của địa phương				
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	100% sản phẩm chủ lực có hồ sơ thực hiện truy xuất nguồn gốc (trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Có truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống	Đạt	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đã thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt
	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 143/143 đạt 100%. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: Số trẻ 11	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
14		chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá. 	<ul style="list-style-type: none"> tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 90/95 đạt 94,74%. - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 126/126 đạt 100%. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 2: Đối tượng 15 – 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS: 213/223 đạt 95,52%. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Hoàn thành chương trình lớp 5 (độ tuổi 15-60 biết chữ): 3082/3109 đạt 99,13%. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại: Khá 		
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	<ul style="list-style-type: none"> - Số học sinh tốt nghiệp THCS năm qua: 49/49 (Nam: 20, Nữ: 29). - Số học sinh tiếp tục học trung học: 49/49 (Nam: 20, Nữ: 29); Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Số học sinh học Trung học phổ thông: 49/49 (Nam: 20, Nữ: 29). + Số học sinh học GDTX: 	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
				0/0. + Số học sinh học nghề: 0/0. - Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (Phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): 49/49 đạt 100%.		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	100 %	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đã có Quyết định phê duyệt xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26,5\%$	13,6%	Đạt	Đạt
		15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	70%	100 %.	Đạt	Đạt
	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử	$\geq 20\%$		Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
17	và an toàn thực phẩm	dùng nước sạch theo quy chuẩn	(trong đó $\geq 5\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	$\geq 33,3\%$ (32% từ hệ thống cấp nước tập trung)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	100%	Đạt	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	25,2 m ² / người	Đạt	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	80%	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử	100%		Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường		100%		
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁽³⁾	≥70%	70.39%	Đạt	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	≥60%	70,4%	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100	Đạt	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	≥30%	30%	Đạt	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải	≥30%		Đạt	Đạt

⁽³⁾ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
		nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.		30%			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt	
		18.4. Tiếp cận pháp luật	a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và đảm bảo thi hành Hiến pháp và Pháp luật trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
			b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		pháp luật. c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đảm bảo	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	Đạt
	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh,	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng	Lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện (cấp xã tự đánh giá)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
19		rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.		
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt

